

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2025/DS-PT

Ngày 14-3-2025

*“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và chuyển giao quyền yêu cầu”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vinh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Chương và ông Dương Hà Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phan Hoàng Duy, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Ông Dương Phúc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 125/2024/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và chuyển giao quyền yêu cầu”*,

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Phú T, sinh năm 1996 và bà Bùi Thị N, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1989 – Văn bản ủy quyền ngày 10-7-2024; Có mặt.

- Bị đơn: Ông Đặng Văn E, sinh năm 1973 (có mặt) và bà Kiều Thị Bích N1, sinh năm 1983 (vắng mặt); Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Quốc H, sinh năm 1986 – Văn bản ủy quyền ngày 10-9-2024; có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Trương Phú T1, sinh năm 1966 và bà Lê Thị Bích H1, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1989; Có mặt.

- **Người kháng cáo:** Bị đơn Đặng Văn E và Kiều Thị Bích N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trương Phú T và bà Bùi Thị N trình bày:

Ngày 01-5-2020, Ông Trương Phú T và bà Bùi Thị N cho ông Đặng Văn E và bà Kiều Thị Bích N1 vay 214.000.000 đồng. Thời hạn vay từ ngày 01-5-2020 đến ngày 01-01-2021. Ông E và bà N1 mới trả 20.000.000 đồng tiền lãi, chưa trả nợ gốc, lãi còn lại nên ông T, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông E, bà N1 trả 214.000.000 đồng nợ gốc, 107.295.986 đồng tiền lãi (tạm tính đến ngày 14-4-2024, đã trừ 20.000.000 đồng tiền lãi đã trả) và tiền lãi cho đến khi trả hết nợ. Về thời gian vay ghi trong hợp đồng vay tiền mặt từ ngày 01-5-2020 đến ngày 01-01-2021, không phải 48 tháng, số 48 tháng do ghi nhầm.

Bà N1 ghi số tiền vay 130.000.000 đồng ở mặt sau của Hợp đồng vay tiền mặt do xin trả từ ngày 01-5-2020 đến ngày 01-11-2020, không phải nợ gốc là 130.000.000 đồng và ông T và bà N không đồng ý với phương án trả nợ do ông E và bà N1 đề nghị.

Bị đơn ông Đặng Văn E và bà Kiều Thị Bích N1 trình bày:

Ông bà có quen biết và vay tiền của ông Trương Phú T1 và bà Lê Thị Bích H1 (là cha mẹ ruột của ông T). Năm 2017 vay 140.000.000 đồng nợ gốc. Năm 2018, trả số tiền 50.000.000 đồng (không viết giấy tờ), còn nợ lại 90.000.000 đồng. Trước năm 2013, ông E nợ bà H1, ông T1 25.000.000 đồng. Bà N1 nợ thêm 15.000.000 đồng. Tổng cộng tiền ông E, bà N1 nợ bà H1 và ông T1 là 130.000.000 đồng nợ gốc.

Năm 2020, do làm ăn thua lỗ, không đủ tiền trả cho ông T1, bà H1. Nên cùng ông T1, bà H1 chốt nợ gốc 130.000.000 đồng, tính lãi của toàn bộ quá trình vay 84.000.000 đồng. Tổng cộng tiền nợ là 214.000.000 đồng.

Ông T1, bà H1 hứa cho trả dần, mỗi năm trả 10.000.000 đồng. Vì vậy, đã cộng gốc và lãi, ký Hợp đồng vay tiền mặt ngày 01-5-2020 với ông T và bà N. Tuy nhiên, không nhận tiền từ ông T và bà N mà vay tiền của ông T1 và bà H1. Lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng. Mặc dù hợp đồng vay ngày 01-5-2020 ghi lãi suất tính trên 214.000.000 đồng. Tuy nhiên, hai bên thỏa thuận miệng và tôi (N1) có ghi chú ở phía sau lãi suất được tính 1,5%/tháng/nợ gốc là 130.000.000 đồng. Đối với 84.000.000 đồng tiền lãi thì không tính lãi nữa.

Năm 2021 trả được 10.000.000 đồng, năm 2022 trả được 10.000.000 đồng, đưa cho bà H1 và không viết giấy tờ. Sau đó không có khả năng trả gốc và lãi nữa. Hiện tại hoàn cảnh chúng tôi khó khăn nên đề nghị ông T, bà N cho trả dần, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi trả xong và không tính lãi nữa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Phú T1 và bà Lê Thị Bích H1 trình bày: Ông T1, bà H1 có cho ông E và bà N1 vay tiền. Năm 2020, ông, bà thống nhất với ông E, bà N1 chuyển toàn bộ tiền nợ sang cho con chúng tôi là Trương Phú T và Bùi Thị N.

Hợp đồng vay tiền mặt ngày 01-5-2020, thể hiện nợ gốc của ông E và bà N1 là 130.000.000 đồng và 84.000.000 đồng là tiền lãi, tính từ tháng 02 năm 2017 đến ngày 01-5-2020. Hiện tại toàn bộ giấy tờ trước khi tính thành 214.000.000 đồng không còn giữ. Từ ngày 01-5-2020 trở về sau, ông E, bà N1 mới trả được 20.000.000 đồng tiền lãi nên không đồng ý với đề nghị trả dần của ông E, bà N1 và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông E, bà N1 trả cho ông Trương Phú T và bà Bùi Thị N nợ gốc và lãi suất theo thỏa thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Đặng Văn E và bà Kiều Thị Bích N1 trả cho ông Trương Phú T và bà Bùi Thị N 214.000.000 đồng nợ gốc theo hợp đồng vay tiền mặt ngày 01-5-2020; tiền lãi đề nghị tính trên 130.000.000 đồng từ ngày 01-5-2020 đến ngày 27-9-2024 và tiền lãi kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả xong với mức 12%/năm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2024/DS-ST ngày 27-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 463, khoản 1, 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 282 và Điều 365 của Bộ luật Dân sự; các Điều 5, 6 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Phú T và bà Bùi Thị N đối với ông Đặng Văn E và bà Kiều Thị Bích N1.

Buộc ông Đặng Văn E và bà Kiều Thị Bích N1 phải trả cho ông Trương Phú T và bà Bùi Thị N số tiền 262.727.000 đồng (Hai trăm sáu mươi hai triệu

bảy trăm hai mươi bảy nghìn đồng), gồm 130.000.000 đồng nợ gốc và 132.727.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) nợ gốc theo mức lãi suất 12%/năm cho đến khi thi hành án xong.

2. Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất số tiền 64.242.876 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30-9-2024, bị đơn ông Đặng Văn E và Kiều Thị Bích N1 kháng cáo đề nghị huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng quá trình thụ lý và giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Bị đơn thừa nhận vay tiền của ông T1, bà H1 sau đó chuyển số nợ này cho nguyên đơn. Các bên đã ký hợp đồng ngày 05-01-2020, đây là tài liệu chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với khoản tiền nợ gốc, tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn mà toà án cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp với quy định của pháp luật, bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh nên kháng cáo không có căn cứ để chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 59/2024/DS-ST ngày 27-9-2024 của Toà án nhân dân huyện Đắk Song.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Đặng Văn E và bà Kiều Thị Bích N1 nộp trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét nội kháng cáo của bị đơn Đặng Văn E và Kiều Thị Bích N1, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Hợp đồng vay tiền giữa ông Đặng Văn E và Kiều Thị Bích N1 và ông Trương Phú T, bà Bùi Thị N lập ngày 01-5-2020, trên cơ sở chuyển từ số nợ ông E, bà N1 vay của ông Trương Phú T1 và bà Lê Thị Bích H1 được các bên thừa nhận, quy định lãi xuất rõ ràng do đó phát sinh hiệu lực kể từ ngày ký kết.

Cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện nội dung vụ án và diễn biến tranh tụng công khai tại phiên toà, đồng thời căn cứ vào nội dung thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tính lãi trên nợ gốc của đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn qua đó tính tổng số tiền gốc, lãi mà ông E, bà N1 buộc phải trả cho ông T, bà N1 130.000.000 tiền gốc và 132.727.000 đồng tiền lãi là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, các Điều 5, 6 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và không có cơ sở xác định việc tính lãi vi phạm mức lãi suất quy định tại Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[3]. Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông E và bà N1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Đặng Văn E, bà Kiều Thị Bích N1 thuộc diện hộ cận nghèo, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn E và bà Kiều Thị Bích N1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, khoản 1, 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 282 và Điều 365 của Bộ luật Dân sự; các Điều 5, 6 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Phú T và bà Bùi Thị N đối với ông Đặng Văn E và bà Kiều Thị Bích N1.

1.1. Buộc ông Đặng Văn E và bà Kiều Thị Bích N1 phải trả cho ông Trương Phú T và bà Bùi Thị N số tiền 262.727.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi*

hai triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn đồng), gồm 130.000.000 đồng nợ gốc và 132.727.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) nợ gốc theo mức lãi suất 12%/năm cho đến khi thi hành án xong.

1.2. Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất với số tiền 64.242.876 đồng.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Văn E và bà Kiều Thị Bích N1 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Trương Phú T và bà Bùi Thị N 8.679.000đ (Tám triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004188 ngày 05 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắc Song, tỉnh Đắk Nông.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Văn E và bà Kiều Thị Bích N1 được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắc Song;
- VKSND huyện Đắc Song;
- Chi cục THADS huyện Đắc Song;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, THCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Vinh